shén míng

神明

noun · deity, god

Example Sentences

Tā men xiàng shén míng qí dǎo
他 们 向 神 明 祈 祷 。

They prayed to the deity.

Gǔ rén xiāng xìn shén míng zhǎng guǎn zì rán
古 人 相 信 神 明 掌 管 自 然 。

Ancient people believed gods controlled nature.

Trace each character, then write the word on your own.

神 神 神 神 神 神 神 神 神 神 神

神

明 明 明 明 明 明 明 明 明 明 明